



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001020931	Nguyễn Minh	Anh	09/07/2004	KD10A	01					
2	000002	1001020044	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	03/01/2003	KD10A	01					
3	000003	1001020178	Thân Ánh	Linh	20/09/2004	KD10A	01					
4	000004	1001021036	Ngô Thị Yến	Nhi	11/12/2004	KD10A	01					
5	000005	1001020244	Trần Thục	Oanh	30/03/2004	KD10A	01					HP
6	000006	1001021057	Nguyễn Phương	Thảo	16/10/2004	KD10A	01					HP
7	000007	1001020300	Vũ Thu	Thủy	23/07/2004	KD10A	01					
8	000008	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	01					
9	000009	1001020132	Nguyễn Đức	Hoàn	20/08/2004	KD10B	01					
10	000010	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	01					HP
11	000011	1001020273	Đinh Thị Thanh	Thảo	19/08/2004	KD10B	01					
12	000012	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	01					
13	000013	1001020332	Đỗ Hạ	Vi	28/05/2004	KD10B	01					
14	000014	1001021072	Nguyễn Ngọc	Trâm	28/10/2003	KD10C	01					HP
15	000015	0901020644	Nguyễn Phương	Anh	01/12/2003	KD10D	01					
16	000016	1001020050	Nguyễn Việt	Anh	23/08/2004	KD10D	01					
17	000017	1001020499	Nguyễn Thị Bảo	Chi	08/09/2004	KD10D	01					HP
18	000018	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	01					HP
19	000019	1001020290	Phạm Thị	Thom	19/02/2004	KD10D	01					
20	000020	1001020325	Lương Thị Ngọc	Tú	30/12/2004	KD10D	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Kế toán máy trong doanh nghiệp

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000021	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	01					
2	000022	1001021572	Phan Thị	Thơm	29/12/2003	KD10E	01					
3	000023	1001020022	Đỗ Quốc	Anh	28/02/2004	KD10G	01					
4	000024	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	01					
5	000025	1001020288	Cao Thị	Thi	20/02/2004	KD10G	01					
6	000026	1001021065	Trần Thị Hà	Thu	06/01/2004	KD10G	01					
7	000027	1001020308	Chu Thị Huyền	Trang	27/10/2004	KD10G	01					HP,ĐK
8	000028	1001021088	Nguyễn Thị Như	Ý	01/06/2004	KD10G	01					
9	000029	1001020043	Nguyễn Thị Minh	Anh	20/10/2004	KD10H	01					HP
10	000030	1001021422	Nghiêm Quỳnh	Chi	29/02/2004	KD10H	01					
11	000031	0810210670	Trịnh Trọng	Đức	15/12/2002	KD8E	01					
12	000032	0901020779	Lê Thị Huyền	Trang	21/03/2003	KD9C	01					
13	000033	0901020902	Phạm Ngọc	Hà	09/10/2003	KD9D	01					
14	000034	0901020184	Phạm Thị Bích	Ngọc	14/08/2003	KD9D	01					
15	000035	0901020832	Hoàng Đức	Bình	04/06/2003	KD9G	01					
16	000036	0901020161	Đinh Thị	Trang	14/03/2003	KD9G	01					
17	000037	0901020782	Lê Đức	Nam	17/08/2003	KD9H	01					HP
18	000038	0901020171	Vũ Thu	Phương	10/10/2003	KD9H	01					HP
19	000039	0901030033	Nguyễn Hồng	Phúc	16/09/2003	KD9N	01					
20	000040	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	01					HP
21	000041	0901030547	Đinh Thu	Trà	17/12/2003	QT9C	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tin học đại cương

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	01					HP
2	000002	1001020136	Lê Mạnh	Hùng	06/11/2004	KD10B	01					
3	000003	1001020191	Nguyễn Ngọc	Mai	09/08/2004	KD10H	01					
4	000004	1001020281	Nguyễn Phương	Thảo	14/09/2004	KD10H	01					HP
5	000005	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01					
6	000006	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	01					
7	000007	1101020162	Phạm Thùy	Linh	07/03/2005	KD11C	01					
8	000008	1201020270	Nguyễn Thị Huyền	Lương	22/08/2006	KD12D	01					HP,ĐK
9	000009	1201021665	Vũ Thùy	Dương	22/02/2006	KD12E	01					
10	000010	1201021813	Đỗ Trần Yến	Nhi	07/06/2006	KD12E	01					HP,ĐK
11	000011	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	01					HP,ĐK
12	000012	0810811035	Đỗ Thu	Giang	09/10/2002	KD9B	01					HP
13	000013	0901010859	Nguyễn Thị	Thảo	23/05/2003	KD9M	01					
14	000014	0901020996	Dương Anh	Vũ	18/06/2003	KD9M	01					
15	000015	1001010793	Vũ Lan	Hương	20/11/2004	NH10A	01					
16	000016	1001010799	Phạm Duy	Kiên	14/12/2003	NH10A	01					
17	000017	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	01					
18	000018	1001010883	Lý Thùy	Trang	30/12/2004	NH10A	01					
19	000019	1001010888	Lương Ngọc	Tùng	16/12/2004	NH10A	01					
20	000020	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	01					HP
21	000021	0901010189	Nguyễn Hoàng	Phúc	02/08/2003	NH11A	01					
22	000022	1201011214	Phạm Trung	Dũng	04/09/2006	NH12B	01					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tin học đại cương

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000023	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	01					
2	000024	1001030489	Vũ Quỳnh	Anh	28/11/2004	QM10B	01					
3	000025	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	01					HP,ĐK
4	000026	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	01					HP,ĐK
5	000027	1201030927	Nguyễn Thùy	Linh	08/12/2006	QM12B	01					
6	000028	1201031095	Nguyễn Quỳnh	Trang	08/12/2006	QM12B	01					
7	000029	1101031438	Lê Thanh	Bình	06/08/2005	QT11A	01					
8	000030	1101031198	Đỗ Chu Khánh	Huyền	15/01/2005	QT11A	01					
9	000031	1201030798	Lê Đan	Dương	13/04/2006	QT12A	01					HP,ĐK
10	000032	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	01					
11	000033	1201030805	Nguyễn Đức	Duy	02/08/2001	QT12B	01					HP
12	000034	1201031111	Nguyễn Quốc	Triệu	26/09/2006	QT12B	01					
13	000035	0901030120	Mai Trung	Thông	06/04/2003	QT9D	01					HP,ĐK
14	000036	1001011760	Phan Hạnh	Chi	13/09/2003	TC10A	01					
15	000037	1001010879	Hà Ngọc	Trà	02/05/2004	TC10B	01					
16	000038	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	01					
17	000039	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01					HP
18	000040	1101010887	Nguyễn Xuân	Quang	31/01/2005	TC11A	01					
19	000041	1101011377	Đỗ Thế	Tùng	09/10/2005	TC11A	01					
20	000042	1201011220	Vũ Thành	Duy	01/07/2006	TC12B	01					
21	000043	1201011229	Nguyễn Vũ Hải	Hà	23/06/2006	TC12B	01					HP
22	000044	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040918	Đào Duy	Nam	15/03/2004	CT10A	01					
2	000002	1101041088	Vũ Văn	Hùng	23/08/2004	CT11A	01					
3	000003	1101041090	Đào Chí	Kiên	22/10/2004	CT11A	01					
4	000004	1101040380	Phạm Thị Đoan	Trang	03/02/2005	CT11A	01					
5	000005	1001060349	Nguyễn Thị Ngọc	Anh	12/11/2004	KA10A	01					
6	000006	1001060362	Trịnh Thiên	Hương	01/09/2004	KA11A	01					
7	000007	0901060874	Trần Quỳnh	Nga	09/03/2003	KA9A	01					
8	000008	1001020092	Đào Thị Thùy	Dương	05/11/2004	KD10A	01					
9	000009	1001020220	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	20/11/2004	KD10A	01					
10	000010	1001020040	Nguyễn Phương	Anh	18/09/2004	KD10B	01					
11	000011	1001020055	Trần Thị Vân	Anh	01/11/2004	KD10B	01					
12	000012	1001020087	Nguyễn Thị Thanh	Dung	17/03/2004	KD10C	01					
13	000013	1001020168	Lê Thị Ngọc	Linh	10/11/2004	KD10C	01					
14	000014	1001021098	Đỗ Quang	Huy	18/12/2002	KD10D	01					HP
15	000015	1001020036	Nguyễn Hà	Anh	14/12/2004	KD10E	01					
16	000016	1001020973	Nguyễn Thị	Hoài	28/07/2004	KD10G	01					
17	000017	1001021035	Hoàng Nguyệt	Nhi	09/05/2004	KD10G	01					ĐK
18	000018	1001020553	Nguyễn Thúy	Hiền	09/07/2004	KD10H	01					
19	000019	1001020172	Nguyễn Ngọc	Linh	24/11/2004	KD10H	01					
20	000020	1001020249	Lê Thị Thu	Phương	12/08/2004	KD10H	01					
21	000021	1001021060	Nguyễn Thị Phương	Thảo	06/07/2004	KD10H	01					
22	000022	1001021731	Phạm Thị Phương	Thảo	11/03/2004	KD10H	01					
23	000023	1001021308	Huỳnh Thị Thanh	Thư	08/10/2004	KD10H	01					
24	000024	1001021428	Hoàng Mỹ	Uyên	04/12/2004	KD10H	01					
25	000025	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	03					HP
26	000026	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	03					
27	000027	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	03					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000028	1101020043	Nguyễn Thanh	Bình	02/12/2005	KD11E	01					HP
2	000029	1101020053	Phùng Ngọc	Chúc	05/07/2005	KD11E	01					
3	000030	1101020056	Đoàn Khắc	Đạt	27/06/2005	KD11G	01					
4	000031	1101020063	Lại Quảng	Đông	04/08/2005	KD11G	01					
5	000032	0901020198	Nguyễn Minh	Hiếu	08/11/2003	KD11G	01					
6	000033	0901020086	Trần Thị Huyền	Trang	17/11/2003	KD9C	01					
7	000034	0901020177	Hoàng Linh	Chi	28/04/2003	KD9M	01					HP,ĐK
8	000035	0901020361	Lê Quỳnh	Trang	08/11/2003	KD9N	01					HP
9	000036	1001010787	Nguyễn Xuân	Hoàng	28/10/2004	NH10A	01					
10	000037	1001011380	Đào Thị Phương	Thư	13/11/2004	NH10A	01					
11	000038	1101010478	Nguyễn Thị Mai	Anh	27/12/2005	NH11A	01					
12	000039	1101011268	Nguyễn Văn	Dương	05/09/2003	NH11A	01					HP
13	000040	1101010845	Đặng Thị Nhật	Linh	01/10/2005	NH11A	01					HP
14	000041	0901010351	Ngô Thị Thu	Hiền	30/01/2003	NH9A	01					
15	000042	1001030599	Lê Thị	Linh	15/01/2004	QM10A	01					HP
16	000043	1001030611	Trần Mai	Linh	07/05/2004	QM10A	01					HP
17	000044	1001030642	Nguyễn Hoài	Ngọc	09/11/2004	QM10B	01					
18	000045	1001031464	Nguyễn Hà	Phương	06/08/2004	QM10B	01					HP
19	000046	1101030577	Đặng Ngọc	Khánh	07/12/2005	QM11A	01					
20	000047	1001030500	Phạm Thị Phương	Chi	09/08/2004	QT10B	01					HP
21	000048	1001031471	Nguyễn Thị	Trang	24/09/2004	QT10B	01					
22	000049	1001030732	Vũ Văn	Tuấn	02/01/2004	QT10B	01					HP,ĐK
23	000050	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	01					
24	000051	1201030856	Ngô Việt	Hùng	01/10/2006	QT12B	01					
25	000052	1001010755	Quách Duy	Anh	25/10/2004	TC10A	01					HP
26	000053	1001010767	Nguyễn Mỹ	Dung	11/11/2004	TC10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000054	1001010437	Vũ Hồng	Hạnh	29/05/2004	TC10A	01					
2	000055	1001010797	Lê Anh	Khánh	03/09/2004	TC10A	01					
3	000056	1001010840	Mã Thảo	Nhi	25/01/2004	TC10B	01					
4	000057	1101010762	Nông Quốc	An	14/02/2005	TC11A	01					
5	000058	1101010774	Phạm Hoàng Phương	Anh	28/11/2004	TC11A	01					
6	000059	1101010788	Nguyễn Tiến	Đạt	29/05/2005	TC11A	01					HP,ĐK
7	000060	1101010821	Bùi Việt	Hoàng	29/11/2005	TC11A	01					
8	000061	1101011332	Toàn Hoàng Bảo	Linh	27/08/2005	TC11A	01					HP
9	000062	1101030632	Chu Hải	Nam	31/05/2005	TC11A	01					
10	000063	1001080398	Đào Lê Phương	Linh	08/11/2004	TM10A	01					
11	000064	1001041434	Lê Ngọc	Khang	02/02/2004	CT10A	02					
12	000065	1001020097	Phạm Thị Mỹ	Duyên	27/07/2004	KD10A	02					ĐK
13	000066	1001020134	Hoàng Thị	Huế	06/08/2004	KD10A	02					
14	000067	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02					
15	000068	1001021412	Cao Thị Bích	Ngọc	20/09/2004	KD10C	02					
16	000069	1001020199	Nguyễn Chiêu	Minh	08/07/2004	KD10D	02					HP,ĐK
17	000070	1001020299	Phạm Thị	Thủy	18/06/2004	KD10E	02					HP,ĐK
18	000071	1101020953	Mai Thị Thanh	Hằng	06/02/2005	KD11A	02					
19	000072	1101020963	Vũ Thanh	Hoa	21/11/2005	KD11A	02					
20	000073	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	02					
21	000074	1101021006	Phạm Thị	Ngân	15/08/2003	KD11A	02					
22	000075	1101020277	Phạm Thị	Thư	25/02/2005	KD11A	02					
23	000076	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	02					
24	000077	1101020290	Lê Thị Thuý	Tĩnh	23/10/2005	KD11B	02					
25	000078	1101020101	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	18/04/2005	KD11C	02					
26	000079	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	02					
27	000080	1101020706	Cầm Văn	Thủ	25/01/2005	KD11C	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000081	1101020064	Cầm Minh	Đức	13/12/2005	KD11A	01					HP
2	000082	1101020075	Đào Thị Hương	Giang	21/07/2005	KD11C	01					HP,ĐK
3	000083	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	02					
4	000084	1101020090	Lê Nguyễn Minh	Hằng	01/10/2005	KD11E	02					
5	000085	1101020169	Đinh Thị Ngọc	Loan	03/08/2005	KD11E	02					HP
6	000086	1101020282	Nông Hạ	Thương	06/11/2005	KD11E	02					
7	000087	1101021054	Nguyễn Thị	Trang	15/08/2005	KD11E	02					
8	000088	1101020011	Đỗ Văn	Anh	06/10/2005	KD11G	02					HP
9	000089	1101020487	Phùng Thùy	Anh	15/02/2005	KD11G	02					
10	000090	1101020932	Đinh Thị	Châm	25/11/2005	KD11G	02					HP
11	000091	1101020943	Đỗ Thị Hồng	Duyên	22/02/2005	KD11G	02					
12	000092	1101020078	Phạm Thị Trà	Giang	08/04/2005	KD11G	02					
13	000093	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	02					HP
14	000094	1101020568	Trần Quang	Huy	13/04/2005	KD11G	02					
15	000095	1101021029	Vũ Thị Như	Quỳnh	18/08/2005	KD11G	02					
16	000096	1101020894	Nguyễn Minh	Thành	14/02/2005	KD11G	02					
17	000097	1101020276	Nguyễn Thị Anh	Thư	25/11/2005	KD11G	02					
18	000098	1101020313	Đinh Lê Anh	Tuấn	17/09/2005	KD11G	02					
19	000099	1101020332	Đỗ Hải	Yến	23/08/2005	KD11G	02					HP
20	000100	1001011688	Phạm Thị Kim	Dung	26/05/2004	NH10A	02					
21	000101	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	02					
22	000102	1101010769	Nguyễn Thị Hải	Anh	01/09/2005	NH11A	02					
23	000103	1101010512	Phạm Thành	Đạt	28/03/2005	NH11A	02					
24	000104	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	02					HP,ĐK
25	000105	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	02					
26	000106	1001030506	Đoàn Tuấn	Cường	25/10/2004	QM10B	02					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000107	1101030602	Nguyễn Thị Thùy	Linh	10/07/2005	QM11A	02					HP
2	000108	1001030659	Hoàng Xuân	Phong	21/12/2004	QT10A	02					
3	000109	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	02					
4	000110	1001030524	Phạm Văn Trung	Đức	08/12/2004	QT10B	02					
5	000111	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	02					
6	000112	1101030530	Đoàn Thị Mỹ	Duyên	24/03/2005	QT11A	02					
7	000113	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	02					HP
8	000114	1101030548	Nguyễn Tuấn	Hiệp	15/11/2005	QT11A	02					
9	000115	1101030437	Lê Kim	Huệ	06/09/2005	QT11A	02					
10	000116	1101030616	Trần Thị Hương	Ly	26/01/2005	QT11A	02					
11	000117	1101030638	Nguyễn Thúy	Nga	14/07/2005	QT11A	02					
12	000118	1101030665	Nguyễn Đình	Phi	08/09/2005	QT11A	02					
13	000119	1101030684	Trương Như	Quỳnh	02/07/2005	QT11B	02					
14	000120	1001010868	Lý Trí	Thiên	03/09/2004	TC10A	02					
15	000121	1001010873	Nguyễn Thu	Thuý	15/12/2004	TC10A	02					
16	000122	1001010878	Lê Quang	Toàn	17/03/2004	TC10A	02					
17	000123	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	02					
18	000124	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	02					
19	000125	1001011460	Đỗ Đức	Thịnh	05/01/2004	TC10B	02					
20	000126	1101021056	Nguyễn Thị Thu	Trang	21/01/2005	TC11A	02					HP
21	000127	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	02					ĐK
22	000128	1101040373	Dương Đức	Hiếu	16/02/2005	CT11A	03					
23	000129	1101061077	Trần Khánh	Duy	10/07/2005	KA11A	03					HP
24	000130	1101060367	Lê Nguyễn Anh	Tuấn	12/02/2005	KA11A	03					
25	000131	1001020974	Trần Thu	Hoài	14/09/2004	KD10A	03					
26	000132	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	03					
27	000133	1101020934	Phạm Thị Tuyết	Chinh	02/09/2005	KD11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000134	1101021393	Nguyễn Thị Anh	Thư	02/12/2005	KD11D	02					
2	000135	1101020153	Ngô Phương	Linh	23/01/2005	KD11A	03					
3	000136	1001020069	Phạm Ngọc	Bích	11/08/2004	KD11B	03					
4	000137	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	03					
5	000138	1101020132	Đỗ Ngọc	Lan	03/08/2005	KD11B	03					
6	000139	1101021000	Phạm Phương	Nam	08/11/2005	KD11B	03					
7	000140	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	03					
8	000141	1101020241	Trần Thị Hoài	Phương	28/07/2005	KD11B	03					
9	000142	1101020251	Nguyễn Như	Quỳnh	02/05/2005	KD11B	03					
10	000143	1101020256	Nguyễn Thị Thanh	Tâm	30/09/2005	KD11B	03					HP
11	000144	1101020309	Trần Huyền	Trang	15/08/2005	KD11B	03					
12	000145	1101020279	Lê Hồng	Thức	05/10/2005	KD11C	03					HP
13	000146	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	03					
14	000147	1101020135	Nguyễn Ngọc	Lan	10/09/2005	KD11D	03					
15	000148	1101021038	Nguyễn Thu	Thảo	29/05/2005	KD11D	03					
16	000149	1101020072	Phạm Hải	Duy	22/11/2005	KD11E	03					
17	000150	1101020077	Phạm Thị Hương	Giang	18/08/2005	KD11E	03					HP
18	000151	1101020148	Lương Hải Khánh	Linh	02/09/2005	KD11E	03					
19	000152	1101020254	Vũ Thị	Quỳnh	17/02/2005	KD11E	03					
20	000153	1101020316	Phạm Minh	Tuấn	08/09/2005	KD11E	03					
21	000154	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	03					HP
22	000155	1101020334	Phạm Tiêu	Yến	24/10/2005	KD11E	03					HP
23	000156	1101021352	Nguyễn Việt	Anh	26/04/2004	KD11G	03					
24	000157	1101020083	Nguyễn Thị Thu	Hà	21/06/2005	KD11G	03					
25	000158	1101021205	Phạm Thị Ngọc	Lan	04/05/2005	KD11G	03					
26	000159	1101021345	Đỗ Thị Thanh	Loan	03/12/2005	KD11G	03					HP
27	000160	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	03					HP,ĐK

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Excel căn bản

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000161	1101020260	Trương Kiều	Thanh	26/03/2005	KD11E	02					
2	000162	1101071116	Nguyễn Quỳnh Mai	Anh	12/10/2004	KL11A	03					
3	000163	1101070430	Nguyễn Phan Hải	Đặng	30/07/2005	KL11A	03					
4	000164	1101071425	Nguyễn Tùng	Dương	10/02/2005	KL11A	03					
5	000165	1101070438	Ninh Thị Thu	Huệ	28/12/2005	KL11A	03					
6	000166	1101070446	Nguyễn Hà	Mai	17/06/2005	KL11A	03					
7	000167	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	03					
8	000168	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	03					
9	000169	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	03					
10	000170	1101070449	Đàm Thị Quỳnh	Như	22/10/2005	QL11A	03					HP
11	000171	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	03					
12	000172	1001030721	Nguyễn Thu	Trang	25/02/2004	QM10B	03					HP,ĐK
13	000173	1101030482	Phạm Quốc	Anh	27/09/2005	QM11A	03					HP
14	000174	1101031196	Khổng Thị Lan	Hương	09/04/2005	QT11A	03					
15	000175	1101030608	Đào Văn	Lộc	19/11/2005	QT11A	03					
16	000176	1101031732	Nguyễn Thanh	Ngoan	01/04/2005	QT11A	03					
17	000177	1101031456	Chu Phương	Anh	28/01/2003	QT11B	03					
18	000178	1101030441	Lưu Thị Thu	Huyền	26/11/2005	QT11B	03					
19	000179	1101031365	Thạch Thị Ngọc	Minh	27/03/2004	QT11B	03					
20	000180	1101011391	Trần Hải	Đặng	13/03/2005	TC11A	03					
21	000181	1101081104	Hoàng Thị	Huyền	22/07/2005	TM11A	03					
22	000182	1101080400	Trần Hoàng	Lan	22/07/2005	TM11A	03					
23	000183	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	03					
24	000184	1101081106	Trần Thị Thùy	Linh	21/10/2005	TM11A	03					HP
25	000185	1101081108	Trần Thị Thanh	Mai	07/07/2005	TM11A	03					
26	000186	1101080758	Ngô Thị	Yến	09/09/2005	TM11A	03					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



BỘ TÀI CHÍNH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI CHÍNH - QUẢN TRỊ KINH DOANH

Phòng thi: 1
Giảng đường: B1_CS1

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Tin học ứng dụng trong tài chính

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	0901010036	Phùng Phương	Mai	28/06/2003	TC9A	01					
2	000002	0901010698	Nguyễn Thu	Hương	28/08/2003	TC9B	01					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Ngày tháng Năm

Tổng số tờ giấy thi:.....

Cán bộ coi thi 1 Cán bộ coi thi 2

Tổng số biên bản:.....



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Triết học Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000001	1001040002	Đỗ Tuấn	Anh	14/12/2004	CT10A	01					
2	000002	1001060353	Đinh Đức	Giáp	27/10/2004	KA10A	01					
3	000003	1001020976	Hoàng Tuấn	Hùng	17/08/2003	KD10A	01					
4	000004	1001020226	Bùi Thị Lan	Nhi	08/07/2004	KD10A	01					
5	000005	1001020174	Nguyễn Nhật	Linh	08/12/2003	KD10B	01					
6	000006	1001020093	Nguyễn Thị Thùy	Dương	30/05/2004	KD10C	01					
7	000007	1001020324	Lò Hà	Trung	27/12/2004	KD10C	01					
8	000008	1001021516	Nguyễn Thị Anh	Đào	13/02/2004	KD10D	01					
9	000009	1001021042	Dương Thanh	Phương	16/09/2004	KD10E	01					
10	000010	1001020307	Bùi Thị Huyền	Trang	19/06/2004	KD10E	01					
11	000011	1001020037	Nguyễn Hoàng	Anh	03/01/2004	KD10G	01					
12	000012	1001020048	Nguyễn Thị Vân	Anh	26/01/2004	KD10G	01					
13	000013	1001020070	Nguyễn Như	Bình	10/11/2004	KD10G	01					
14	000014	1001020235	Trịnh Yến	Nhi	13/10/2004	KD10G	01					
15	000015	1001020129	Trần Thu	Hoài	17/03/2004	KD10H	01					HP
16	000016	1001020038	Nguyễn Hữu	Anh	28/02/2004	KD11A	01					
17	000017	1101020097	Nguyễn Thị	Hiền	08/11/2005	KD11A	01					
18	000018	1001020243	Đỗ Quốc	Oai	01/01/2004	KD11A	01					
19	000019	1001020053	Tạ Tuấn	Anh	28/08/2004	KD11B	01					
20	000020	1101020080	Vũ Thị	Giang	23/05/2005	KD11B	01					
21	000021	1001021556	Chu Yến	Nhi	04/08/2004	KD11B	01					
22	000022	1101020271	Vũ Thị Ngọc	Thu	19/10/2005	KD11B	01					
23	000023	1101020014	Nghiêm Thị Quỳnh	Anh	15/06/2005	KD11C	01					
24	000024	1101020032	Trương Thị Mai	Anh	11/09/2005	KD11C	01					
25	000025	1001020326	Đỗ Quang	Tùng	13/09/2004	KD11C	01					
26	000026	1101020040	Nguyễn Thị Ngọc	Ánh	21/10/2005	KD11E	01					
27	000027	1101020091	Lê Thị	Hằng	13/05/2005	KD11G	01					HP
28	000028	1001011689	Bùi Đức	Duy	06/10/2004	NH10A	01					
29	000029	1001010815	Trịnh Văn	Lộc	13/10/2004	NH10A	01					
30	000030	1001010827	Nguyễn Đức	Minh	23/03/2004	NH10A	01					
31	000031	1001010832	Hà Khánh	Nam	25/12/2003	NH10A	01					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Triết học Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000032	1101010784	Phan Kim	Chi	30/06/2005	NH11A	01					HP,ĐK
2	000033	1101010836	Trần Thanh	Huyền	14/12/2005	NH11A	01					
3	000034	1101010128	Nguyễn Trọng	Khang	26/03/2005	NH11A	01					
4	000035	1101011380	Nguyễn Khánh	Linh	15/08/2005	NH11A	01					HP
5	000036	1101011416	Nguyễn Trà	My	07/04/2005	NH11A	01					
6	000037	1101010877	Lê Quỳnh	Như	12/06/2005	NH11A	01					HP
7	000038	1101010888	Tạ Trường	Quang	09/11/2005	NH11A	01					
8	000039	1101010713	Nguyễn Khánh	Toàn	25/12/2005	NH11A	01					
9	000040	1201011214	Phạm Trung	Dũng	04/09/2006	NH12B	01					HP,ĐK
10	000041	1201011396	Nguyễn Thế	Son	30/12/2005	NH12B	01					
11	000042	1201070632	Nguyễn Quốc	Cường	05/05/2006	QL12A	01					HP
12	000043	1001030725	Chu Quyết	Trường	16/06/2004	QM10A	01					
13	000044	1101031179	Đỗ Hoàng	Hà	31/07/2005	QM11A	01					HP
14	000045	1001030463	Chu Thị Hải	Anh	10/07/2004	QT10A	01					HP
15	000046	1001030504	Hà Văn	Chung	30/06/2003	QT10B	01					
16	000047	1001031207	Trương Mạnh	Cường	10/02/2004	QT10B	01					
17	000048	1001030575	Vũ Đức Quang	Huy	27/10/1999	QT10B	01					
18	000049	1101030483	Phạm Thị Nguyệt	Anh	13/02/2005	QT11A	01					
19	000050	1101030543	Nguyễn Thị	Hào	24/03/2005	QT11A	01					HP
20	000051	0810310466	Nguyễn Thị Hải	Yến	02/11/2002	QT8A	01					HP
21	000052	1001010756	Vũ Hoàng	Anh	12/10/2004	TC10B	01					
22	000053	1001011739	Lê Xuân	Hòa	09/08/2004	TC10B	01					
23	000054	1001011359	Nguyễn Thị	Lam	14/11/2004	TC10B	01					
24	000055	1001010855	Vũ Ngọc	Son	24/07/2004	TC10B	01					
25	000056	1101011391	Trần Hải	Đăng	13/03/2005	TC11A	01					
26	000057	1101010828	Phùng Thị Thu	Hương	13/12/2005	TC11A	01					HP
27	000058	1101010830	Nguyễn Quang	Huy	14/08/2005	TC11A	01					
28	000059	1001080390	Nguyễn Thị	Hào	31/07/2004	TM10A	01					ĐK
29	000060	1001080416	Nguyễn Hồng	Thái	20/05/2004	TM11A	01					
30	000061	1001040910	Hoàng Vũ	Dương	09/08/2004	CT10A	02					HP
31	000062	1001040010	Nguyễn Đình Trường	Giang	30/05/2004	CT10A	02					HP

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025

Học phần: Triết học Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000063	1101041424	Nguyễn Xuân	Bình	19/03/2005	CT11A	02					
2	000064	1101061080	Ngô Bảo	Ngọc	04/11/2005	KA11A	02					HP,ĐK
3	000065	1001020078	Đỗ Mạnh	Cường	09/11/2004	KD10B	02					
4	000066	1001020214	Hà Trọng	Nghĩa	24/03/2003	KD10B	02					HP
5	000067	1001020276	Lê Phương	Thảo	20/09/2004	KD10B	02					
6	000068	1001021012	Hoàng Hương	Ly	02/12/2004	KD10E	02					HP,ĐK
7	000069	1001021560	Nguyễn Thùy	Phương	07/08/2004	KD10E	02					
8	000070	1001020900	Mẫn Thị	Trang	28/05/2004	KD10G	02					HP
9	000071	1001020980	Nguyễn Thị Lan	Hương	30/12/2004	KD11A	02					
10	000072	1101020997	Trần Nguyễn Thảo	My	28/08/2005	KD11A	02					HP,ĐK
11	000073	1101021338	Nguyễn Thị Hồng	Ngọc	13/12/2005	KD11A	02					
12	000074	1101021341	Lê Thị Như	Quỳnh	17/04/2005	KD11A	02					
13	000075	1101020273	Đỗ Minh	Thư	14/03/2005	KD11A	02					
14	000076	1101020299	Nguyễn Mai	Trang	26/03/2005	KD11A	02					
15	000077	1101021055	Nguyễn Thị Huyền	Trang	14/06/2005	KD11A	02					
16	000078	1101020535	Trần Thị Hương	Giang	02/01/2005	KD11B	02					
17	000079	1101020100	Nguyễn Thị	Hoa	22/09/2005	KD11B	02					HP
18	000080	1101020968	Đỗ Thị Lan	Hương	12/03/2005	KD11B	02					
19	000081	1101020116	Đỗ Thanh	Huyền	10/10/2005	KD11B	02					
20	000082	1101020980	Trần Thị Phương	Liên	23/10/2005	KD11B	02					
21	000083	1101020984	Nguyễn Khánh	Linh	20/03/2005	KD11B	02					HP
22	000084	1101020160	Nguyễn Thùy	Linh	17/12/2005	KD11B	02					
23	000085	1101020331	Bùi Thị	Yến	11/01/2005	KD11B	02					
24	000086	1101020948	Lê Thị Thu	Hà	01/07/2005	KD11C	02					
25	000087	1101021452	Nguyễn Hồng	Hạnh	05/11/2004	KD11C	02					
26	000088	1101021342	Nguyễn Thanh	Hoài	19/08/2005	KD11C	02					
27	000089	1101020112	Nguyễn Thị Thanh	Hương	21/09/2005	KD11C	02					
28	000090	1101020117	Đỗ Thị Khánh	Huyền	23/09/2005	KD11D	02					
29	000091	1101020957	Nguyễn Thị	Hào	16/07/2005	KD11E	02					
30	000092	1101020122	Nguyễn Ngọc	Huyền	22/04/2005	KD11E	02					
31	000093	1101020129	Phạm Quốc	Khánh	02/09/2005	KD11E	02					HP,ĐK
32	000094	1101021364	Phạm Hồng	Nhung	03/08/2005	KD11E	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2



**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐHCQ THI HẾT HỌC PHẦN HỌC KỲ HÈ ĐỢT 1
NĂM HỌC 2024-2025**

Học phần: Triết học Mác - Lênin

STT	SBD	Mã SV	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Lớp	Lớp HP	Phách	Điểm thi	Số tờ	Ký nộp	Ghi chú
1	000095	1101020249	Đỗ Thị Như	Quỳnh	22/04/2005	KD11E	02					
2	000096	1101021428	Triệu Thị Hà	Vy	24/10/2005	KD11E	02					HP
3	000097	1101020179	Bùi Ngọc	Mai	18/02/2005	KD11G	02					HP,ĐK
4	000098	1101020212	Bùi Thị	Nguyệt	06/07/2005	KD11G	02					
5	000099	1201020090	Trần Thị Phương	Anh	19/04/2005	KD12C	02					ĐK
6	000100	1201021783	Đỗ Thị Khánh	Linh	13/03/2006	KD12C	02					HP
7	000101	1201021801	Đỗ Thị Thu	Hiền	24/08/2006	KD12G	02					HP,ĐK
8	000102	1001010785	Nguyễn Thị Thanh	Hòa	12/08/2004	NH10A	02					
9	000103	1001010812	Nguyễn Diệp	Linh	25/07/2004	NH10A	02					ĐK
10	000104	1001010886	Vũ Thanh	Trúc	08/03/2004	NH10A	02					
11	000105	1101010841	Vũ Duy	Kiên	01/09/2005	NH11A	02					
12	000106	1101010848	Kiều Khánh	Linh	08/10/2005	NH11A	02					HP,ĐK
13	000107	1101011383	Nguyễn Thị	Mai	16/11/2004	NH11A	02					HP,ĐK
14	000108	1101071115	Nguyễn Gia Tuấn	Anh	13/12/2005	QL11A	02					
15	000109	1101071122	Lưu Thị	Hằng	19/03/2005	QL11A	02					
16	000110	1101070435	Đinh Trọng	Hiệp	11/02/2004	QL11A	02					
17	000111	1101070452	Đỗ Thị	Quỳnh	30/10/2004	QL11A	02					
18	000112	1101070456	Lê Trọng	Thuận	06/09/2005	QL11A	02					
19	000113	1101070462	Nguyễn Thị Thanh	Xuân	08/06/2005	QL11A	02					
20	000114	0901030960	Lê Thị Thanh	Trúc	14/12/2003	QM11A	02					HP,ĐK
21	000115	1201030836	Trần Trung	Hiếu	12/01/2006	QM12B	02					HP,ĐK
22	000116	1001030689	Nguyễn Hữu	Thắng	04/07/2004	QT10B	02					
23	000117	1101030628	Trịnh Công	Minh	09/11/2005	QT11A	02					
24	000118	1101030598	Nguyễn Khánh	Linh	03/08/2005	QT11B	02					
25	000119	1101030750	Ngô Đăng	Vũ	07/08/2005	QT11B	02					
26	000120	1201030928	Phạm Khánh	Linh	22/06/2006	QT12A	02					
27	000121	0901020003	Đặng Thị	Nguyệt	15/07/1984	QT9D	02					HP
28	000122	1101011382	Nguyễn Khánh	Linh	17/02/2005	TC11A	02					
29	000123	1201011757	Nguyễn Xuân	Hoàng	03/10/2000	TC12B	02					
30	000124	1101080407	Nguyễn Thị Thùy	Linh	16/04/2005	TM11A	02					
31	000125	1101080422	Nguyễn Hà	Trang	23/01/2002	TM11A	02					

Tổng số sinh viên dự thi:.....

Tổng số tờ giấy thi:.....

Tổng số biên bản:.....

Ngày tháng Năm

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2